BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 46/2022/TT-BGTVT

Hà Nội, ngày 30 tháng 12 năm 2022

THÔNG TƯ
Quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp và xếp lương viên chức chuyên ngành quản lý dự án đường bộ

Căn cứ Luật Viên chức ngày 15 tháng 11 năm 2010; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Cán bộ, công chức và Luật Viên chức ngày 25 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25 tháng 9 năm 2020 của Chính phủ quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức;

Căn cứ Nghị định số 204/2004/NĐ-CP ngày 14 tháng 12 năm 2004 của Chính phủ về chế độ tiền lương đối với cán bộ, công chức, viên chức và lực lượng vũ trang; Nghị định số 17/2013/NĐ-CP ngày 19 tháng 02 năm 2013 và Nghị định số 117/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 204/2004/NĐ-CP ngày 14 tháng 12 năm 2004 của Chính phủ về chế độ tiền lương đối với cán bộ, công chức, viên chức và lực lượng vũ trang;

Căn cứ Nghị định số 56/2022/NĐ-CP ngày 24 tháng 8 năm 2022 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Giao thông vận tải;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Tổ chức cán bộ và Cục trưởng Cục Đường bộ Việt Nam;

Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải ban hành Thông tư quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp và xếp lương viên chức chuyên ngành quản lý dự án đường bộ.

Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Thông tư này quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp và xếp lương đối với viên chức chuyên ngành quản lý dự án đường bộ.

2. Thông tư này áp dụng đối với viên chức chuyên ngành quản lý dự án đường bộ tại các đơn vị sự nghiệp công lập và các tổ chức, cá nhân có liên quan.

3. Các đơn vị sự nghiệp ngoài công lập được áp dụng quy định tại Thông tư này.

Điều 2. Mã số các chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành quản lý dự án đường bộ

1. Quản lý dự án đường bộ hạng I Mã số: V.12.23.01

2. Quản lý dự án đường bộ hạng II Mã số: V.12.23.02

3. Quản lý dự án đường bộ hạng III Mã số: V.12.23.03

4. Quản lý dự án đường bộ hạng IV Mã số: V.12.23.04

Điều 3. Tiêu chuẩn chung về đạo đức nghề nghiệp

1. Chấp hành các chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước.

2. Trung thực, khách quan, có tinh thần trách nhiệm cao đối với công việc được giao; thực hiện đúng và đầy đủ các nghĩa vụ của viên chức trong hoạt động nghề nghiệp.

3. Có ý thức trau dồi đạo đức, giữ gìn phẩm chất, danh dự, uy tín nghề nghiệp; không lạm dụng vị trí công tác, nhiệm vụ được phân công để trục lợi; đoàn kết, sáng tạo, tự nâng cao trình độ, sẵn sàng tiếp thu, học hỏi kiến thức mới; có ý thức phối hợp, giúp đỡ đồng nghiệp, chia sẻ kinh nghiệm trong công tác; tích cực tham gia nghiên cứu đề tài khoa học, sáng kiến cải tiến kỹ thuật để phát triển nghề nghiệp và nâng cao trình độ.

Chương II
TIÊU CHUẨN CHỨC DANH NGHỀ NGHIỆP

Điều 4. Quản lý dự án đường bộ hạng I - Mã số: V.12.23.01

1. Nhiệm vụ:

a) Chủ trì tổ chức thực hiện các nhiệm vụ về quản lý dự án đường bộ thuộc chức năng, nhiệm vụ của đơn vị sự nghiệp công lập theo quy định của pháp luật;

b) Chủ trì nghiên cứu, đề xuất, xây dựng các chủ trương, chính sách, định hướng, kế hoạch phát triển và ứng dụng khoa học công nghệ trong hoạt động quản lý dự án đường bộ;

c) Chủ trì nghiên cứu, xây dựng quy chế quản lý nghiệp vụ chuyên ngành quản lý dự án đường bộ;

d) Chủ trì nghiên cứu đề tài, đề án, các công trình nghiên cứu khoa học nhằm đổi mới, hoàn thiện cơ chế quản lý, nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động quản lý dự án đường bộ;

đ) Chủ trì tổ chức biên soạn, xây dựng các tài liệu hướng dẫn chuyên môn nghiệp vụ chuyên ngành quản lý dự án đường bộ; chủ trì tổ chức tập huấn chuyên đề, bồi dưỡng nghiệp vụ hoặc phổ biến kiến thức, kinh nghiệm chuyên ngành quản lý dự án đường bộ;

e) Thực hiện các nhiệm vụ khác được cấp có thẩm quyền giao.

2. Tiêu chuẩn về trình độ đào tạo, bồi dưỡng:

a) Có bằng tốt nghiệp đại học trở lên với ngành hoặc chuyên ngành đào tạo phù hợp với yêu cầu của vị trí việc làm;

b) Có chứng chỉ bồi dưỡng theo tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành quản lý dự án đường bộ.

3. Tiêu chuẩn về năng lực chuyên môn, nghiệp vụ:

a) Nắm vững quan điểm, chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước và định hướng, chiến lược của ngành, lĩnh vực; nắm vững các kiến thức, chuyên môn nghiệp vụ trong hoạt động quản lý dự án đường bộ của ngành, lĩnh vực;

b) Nắm vững tình hình và xu thế phát triển của ngành, lĩnh vực đường bộ trong nước và thế giới; có kiến thức chuyên sâu về quản lý dự án đường bộ; có khả năng ứng dụng, triển khai công nghệ trong phạm vi công việc đảm nhiệm;

c) Có năng lực nghiên cứu, xây dựng đề án, dự án, chương trình hành động; năng lực tham mưu hoạch định chiến lược, quy hoạch, kế hoạch, chính sách gắn với chuyên môn nghiệp vụ chuyên ngành quản lý dự án đường bộ;

d) Có năng lực tổ chức thực hiện nhiệm vụ được giao; có năng lực phân tích, tổng hợp các vấn đề thực tiễn đặt ra, đề xuất các giải pháp nhằm hoàn thiện chính sách pháp luật chuyên ngành quản lý dự án đường bộ;

đ) Có kỹ năng soạn thảo, thuyết trình, xây dựng và triển khai dự án, đề án, chương trình liên quan đến hoạt động quản lý dự án đường bộ;

e) Có kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản và sử dụng được ngoại ngữ hoặc sử dụng được tiếng dân tộc thiểu số đối với viên chức công tác ở vùng dân tộc thiểu số theo yêu cầu của vị trí việc làm.

4. Tiêu chuẩn, điều kiện đăng ký dự thi hoặc xét thăng hạng lên chức danh nghề nghiệp Quản lý dự án đường bộ hạng I:

Viên chức được đăng ký dự thi hoặc xét thăng hạng lên chức danh nghề nghiệp Quản lý dự án đường bộ hạng I khi có đủ các tiêu chuẩn, điều kiện quy định tại Điều 32 Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25 tháng 9 năm 2020 của Chính phủ quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức và các tiêu chuẩn, điều kiện sau:

a) Có thời gian giữ chức danh nghề nghiệp Quản lý dự án đường bộ hạng II và tương đương từ đủ 06 năm trở lên. Trường hợp có thời gian tương đương thì phải có ít nhất 01 năm (đủ 12 tháng) giữ chức danh nghề nghiệp Quản lý dự án đường bộ hạng II tính đến ngày hết thời hạn nộp hồ sơ đăng ký dự thi hoặc xét thăng hạng;

b) Trong thời gian giữ chức danh nghề nghiệp Quản lý dự án đường bộ hạng II và tương đương đạt tối thiểu một trong các tiêu chuẩn, điều kiện sau đây:

Chủ trì xây dựng 01 đề tài, đề án, dự án, chương trình khoa học và công nghệ cấp bộ, cấp tỉnh trở lên đã được cấp có thẩm quyền ban hành hoặc nghiệm thu;

Chủ trì xây dựng 02 đề tài, đề án, dự án, chương trình khoa học và công nghệ cấp cơ sở mà cơ quan sử dụng viên chức được giao chủ trì nghiên cứu, xây dựng đã được cấp có thẩm quyền ban hành hoặc nghiệm thu;

Đã làm giám đốc quản lý dự án của 01 dự án nhóm A hoặc 02 dự án nhóm B cùng loại;

Đã chủ trì thiết kế hoặc thẩm định hoặc thẩm tra thiết kế 02 công trình cấp I hoặc 03 công trình cấp II;

Đã chủ trì thực hiện một trong các công việc quản lý chi phí đầu tư xây dựng của 01 dự án nhóm A hoặc 02 dự án nhóm B hoặc 01 công trình cấp I hoặc 02 công trình cấp II;

Đã tham gia quản lý dự án của 01 dự án nhóm A hoặc 02 dự án nhóm B cùng loại và có một trong bốn chứng chỉ hành nghề: quản lý dự án hạng I, thiết kế xây dựng hạng I, giám sát thi công xây dựng hạng I, định giá xây dựng hạng I.

Điều 5. Quản lý dự án đường bộ hạng II - Mã số: V.12.23.02

1. Nhiệm vụ:

a) Chủ trì hoặc tham gia thực hiện các nhiệm vụ về quản lý dự án đường bộ thuộc chức năng, nhiệm vụ của đơn vị sự nghiệp công lập theo quy định của pháp luật;

b) Chủ trì hoặc tham gia tổ chức biên soạn, xây dựng các tài liệu hướng dẫn chuyên môn nghiệp vụ chuyên ngành quản lý dự án đường bộ; chủ trì hoặc tham gia tổ chức tập huấn chuyên đề, bồi dưỡng nghiệp vụ hoặc phổ biến kiến thức, kinh nghiệm chuyên ngành quản lý dự án đường bộ;

c) Chủ trì hoặc tham gia nghiên cứu, xây dựng quy chế quản lý nghiệp vụ chuyên ngành quản lý dự án đường bộ;

d) Chủ trì hoặc tham gia nghiên cứu đề tài, đề án, các công trình nghiên cứu khoa học nhằm đổi mới, hoàn thiện cơ chế quản lý, nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động quản lý dự án đường bộ;

đ) Tham gia nghiên cứu, đề xuất, xây dựng các chủ trương, chính sách, định hướng, kế hoạch phát triển và ứng dụng khoa học công nghệ trong hoạt động quản lý dự án đường bộ;

e) Thực hiện các nhiệm vụ khác được cấp có thẩm quyền giao.

2. Tiêu chuẩn về trình độ đào tạo, bồi dưỡng:

a) Có bằng tốt nghiệp đại học trở lên với ngành hoặc chuyên ngành đào tạo phù hợp với yêu cầu của vị trí việc làm;

b) Có chứng chỉ bồi dưỡng theo tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành quản lý dự án đường bộ.

3. Tiêu chuẩn về năng lực chuyên môn, nghiệp vụ:

a) Nắm vững quan điểm, chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước; nắm vững các kiến thức, chuyên môn nghiệp vụ trong hoạt động quản lý dự án đường bộ của ngành, lĩnh vực;

b) Nắm được tình hình và xu thế phát triển của ngành, lĩnh vực công tác trong nước và thế giới; có kiến thức chuyên sâu về quản lý dự án đường bộ; có hiểu biết và kinh nghiệm về phát triển, ứng dụng, triển khai công nghệ trong phạm vi công việc đảm nhiệm;

c) Có năng lực nghiên cứu xây dựng văn bản quy phạm pháp luật, đề án, dự án, chương trình hành động và hướng dẫn thực hiện chế độ, chính sách, quy định về quản lý nhà nước thuộc ngành, lĩnh vực;

d) Có năng lực nghiên cứu, tổng kết thực tiễn và đề xuất giải pháp nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác trong ngành, lĩnh vực được giao;

đ) Có kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản và sử dụng được ngoại ngữ hoặc sử dụng được tiếng dân tộc thiểu số đối với viên chức công tác ở vùng dân tộc thiểu số theo yêu cầu của vị trí việc làm.

4. Tiêu chuẩn, điều kiện đăng ký dự thi hoặc xét thăng hạng lên chức danh nghề nghiệp Quản lý dự án đường bộ hạng II:

Viên chức được đăng ký dự thi hoặc xét thăng hạng lên chức danh nghề nghiệp Quản lý dự án đường bộ hạng II khi có đủ các tiêu chuẩn, điều kiện quy định tại Điều 32 Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25 tháng 9 năm 2020 của Chính phủ quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức và các tiêu chuẩn, điều kiện sau:

a) Có thời gian giữ chức danh nghề nghiệp Quản lý dự án đường bộ hạng III và tương đương từ đủ 09 năm trở lên (không kể thời gian tập sự, thử việc). Trường hợp có thời gian tương đương thì phải có ít nhất 01 năm (đủ 12 tháng) giữ chức danh nghề nghiệp Quản lý dự án đường bộ hạng III tính đến ngày hết thời hạn nộp hồ sơ đăng ký dự thi hoặc xét thăng hạng;

b) Trong thời gian giữ chức danh nghề nghiệp Quản lý dự án đường bộ hạng III và tương đương đạt tối thiểu một trong các tiêu chuẩn, điều kiện sau đây:

Tham gia xây dựng 01 đề tài, đề án, dự án, chương trình khoa học và công nghệ cấp bộ, cấp tỉnh trở lên đã được cấp có thẩm quyền ban hành hoặc nghiệm thu;

Tham gia xây dựng 02 đề tài, đề án, dự án, chương trình khoa học và công nghệ cấp cơ sở mà cơ quan sử dụng viên chức được giao chủ trì nghiên cứu, xây dựng đã được cấp có thẩm quyền ban hành hoặc nghiệm thu;

Đã làm giám đốc quản lý dự án của 01 dự án nhóm B hoặc 02 dự án nhóm C cùng loại;

Đã chủ trì thiết kế hoặc thẩm định hoặc thẩm tra thiết kế của 02 công trình cấp II hoặc 03 công trình cấp III;

Đã chủ trì thực hiện một trong các công việc quản lý chi phí đầu tư xây dựng của 01 dự án nhóm B hoặc 02 dự án nhóm C hoặc 01 công trình cấp II hoặc 02 công trình cấp III;

Đã tham gia quản lý dự án của ít nhất 01 dự án nhóm B hoặc 02 dự án nhóm C và có một trong bốn chứng chỉ hành nghề: quản lý dự án hạng II, thiết kế xây dựng hạng II, giám sát thi công xây dựng hạng II, định giá xây dựng hạng II.

Điều 6. Quản lý dự án đường bộ hạng III - Mã số: V.12.23.03

1. Nhiệm vụ:

a) Tham gia xây dựng kế hoạch, các quy trình nghiệp vụ cụ thể để triển khai nhiệm vụ được phân công;

b) Tham gia nghiên cứu, đề xuất chủ trương, chính sách, định hướng, kế hoạch phát triển và ứng dụng khoa học công nghệ trong phạm vi nhiệm vụ được giao;

c) Nghiên cứu giải quyết theo thẩm quyền hoặc tham mưu trình cấp có thẩm quyền giải quyết các vấn đề cụ thể liên quan đến lĩnh vực được phân công; đề xuất các biện pháp nhằm nâng cao hiệu quả quản lý thuộc lĩnh vực được phân công;

d) Trực tiếp thực hiện các hoạt động chuyên môn nghiệp vụ về quản lý dự án đường bộ; tham gia xây dựng quy chế nội bộ;

đ) Kiểm tra, thu thập thông tin, thống kê, quản lý hồ sơ, lưu trữ tư liệu, số liệu về các vấn đề liên quan đến lĩnh vực được giao nhằm phục vụ cho công tác quản lý nhà nước được chặt chẽ, chính xác, đúng nguyên tắc;

e) Thực hiện các nhiệm vụ khác được cấp có thẩm quyền giao.

2. Tiêu chuẩn về trình độ đào tạo, bồi dưỡng:

a) Có bằng tốt nghiệp đại học trở lên với ngành hoặc chuyên ngành đào tạo phù hợp với yêu cầu của vị trí việc làm;

b) Có chứng chỉ bồi dưỡng theo tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành quản lý dự án đường bộ.

3. Tiêu chuẩn về năng lực chuyên môn, nghiệp vụ:

a) Nắm vững quan điểm, chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước; nắm vững định hướng, nhiệm vụ phát triển của ngành về lĩnh vực đường bộ;

b) Có kiến thức chuyên môn về quản lý dự án đường bộ; đề xuất và nghiên cứu khoa học, ứng dụng tiến bộ khoa học để nâng cao hiệu quả hoạt động chuyên môn, nghiệp vụ;

c) Thành thạo nghiệp vụ chuyên ngành, nắm được phương pháp tổ chức thực hiện các nhiệm vụ được giao; nắm rõ quy trình xây dựng các phương án, kế hoạch; có kỹ năng soạn thảo văn bản và thuyết trình các vấn đề được giao thực hiện;

d) Có kỹ năng phân tích, tổng hợp, xử lý tình huống liên quan đến công tác chuyên môn;

đ) Có kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản và sử dụng được ngoại ngữ hoặc sử dụng được tiếng dân tộc thiểu số đối với viên chức công tác ở vùng dân tộc thiểu số theo yêu cầu của vị trí việc làm.

4. Tiêu chuẩn, điều kiện đăng ký dự thi hoặc xét thăng hạng lên chức danh nghề nghiệp Quản lý dự án đường bộ hạng III:

Viên chức được đăng ký dự thi hoặc xét thăng hạng lên chức danh nghề nghiệp Quản lý dự án đường bộ hạng III khi có đủ các tiêu chuẩn, điều kiện quy định tại Điều 32 Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25 tháng 9 năm 2020 của Chính phủ quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức và các tiêu chuẩn, điều kiện sau:

a) Có thời gian giữ chức danh nghề nghiệp Quản lý dự án đường bộ hạng IV và tương đương từ đủ 03 năm trở lên (không kể thời gian tập sự, thử việc). Trường hợp có thời gian tương đương thì phải có ít nhất 01 năm (đủ 12 tháng) giữ chức danh nghề nghiệp Quản lý dự án đường bộ hạng IV tính đến ngày hết thời hạn nộp hồ sơ đăng ký dự thi hoặc xét thăng hạng;

b) Trong thời gian giữ chức danh nghề nghiệp Quản lý dự án đường bộ hạng IV và tương đương đạt tối thiểu một trong các tiêu chuẩn, điều kiện sau đây:

Đã tham gia quản lý dự án của 01 dự án nhóm C cùng loại;

Đã chủ trì thiết kế hoặc thẩm định hoặc thẩm tra thiết của 02 công trình cấp III;

Đã chủ trì thực hiện một trong các công việc quản lý chi phí đầu tư xây dựng của 01 dự án nhóm C hoặc 01 công trình cấp III;

Đã tham gia quản lý dự án của 01 dự án đầu tư xây dựng nhóm C và có một trong bốn chứng chỉ hành nghề: quản lý dự án hạng III, thiết kế xây dựng hạng III, giám sát thi công xây dựng hạng III, định giá xây dựng hạng III.

Điều 7. Quản lý dự án đường bộ hạng IV - Mã số: V.12.23.04

1. Nhiệm vụ:

a) Thực hiện các hoạt động chuyên môn nghiệp vụ về quản lý dự án đường bộ theo phân công;

b) Tham mưu trình cấp có thẩm quyền quyết định xử lý các vấn đề cụ thể liên quan đến lĩnh vực được phân công theo vị trí việc làm và quy định của pháp luật;

c) Thu thập thông tin, thống kê, quản lý hồ sơ, lưu trữ tài liệu, số liệu về các vấn đề liên quan đến nhiệm vụ được giao, đảm bảo chặt chẽ, chính xác, đúng nguyên tắc;

d) Thực hiện các nhiệm vụ khác được cấp có thẩm quyền giao.

2. Tiêu chuẩn về trình độ đào tạo, bồi dưỡng:

a) Có bằng tốt nghiệp cao đẳng trở lên với ngành hoặc chuyên ngành đào tạo phù hợp với yêu cầu của vị trí việc làm;

b) Có chứng chỉ bồi dưỡng theo tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành quản lý dự án đường bộ.

3. Tiêu chuẩn về năng lực chuyên môn, nghiệp vụ:

a) Nắm vững quan điểm, chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, nắm được định hướng, nhiệm vụ phát triển của ngành về lĩnh vực đường bộ;

b) Có kiến thức chuyên môn về quản lý dự án đường bộ; trực tiếp thực thi các nhiệm vụ được phân công;

c) Nắm được các quy định về thủ tục hành chính, nghiệp vụ quản lý; quy trình thực hiện nhiệm vụ được phân công;

d) Sử dụng thành thạo các thiết bị văn phòng và các trang thiết bị khác phục vụ yêu cầu nhiệm vụ.

Chương III
XẾP LƯƠNG CHỨC DANH NGHỀ NGHIỆP VIÊN CHỨC CHUYÊN NGÀNH QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐƯỜNG BỘ

Điều 8. Nguyên tắc xếp lương chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành quản lý dự án đường bộ

1. Việc bổ nhiệm, xếp lương chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành quản lý dự án đường bộ phải căn cứ vào vị trí việc làm, chức trách, chuyên môn, nghiệp vụ đang đảm nhận và đáp ứng đầy đủ các tiêu chuẩn theo quy định tại Thông tư này.

2. Khi chuyển xếp vào chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành quản lý dự án đường bộ tương ứng không được kết hợp nâng bậc lương hoặc thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức.

Điều 9. Xếp lương chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành quản lý dự án đường bộ

1. Kể từ ngày Thông tư này có hiệu lực, trường hợp viên chức chưa đủ tiêu chuẩn, điều kiện để bổ nhiệm chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành quản lý dự án đường bộ theo quy định tại Điều 4, Điều 5, Điều 6, Điều 7 Thông tư này thì thực hiện như sau:

a) Nếu viên chức còn thời hạn dưới 05 năm (60 tháng) công tác tính đến thời điểm nghỉ hưu thì tiếp tục được giữ ngạch hoặc hạng chức danh nghề nghiệp viên chức và xếp lương theo ngạch hiện hưởng;

b) Nếu viên chức còn thời hạn từ 05 năm (60 tháng) công tác trở lên, trong thời hạn 03 năm (36 tháng) cơ quan sử dụng viên chức có trách nhiệm bố trí để viên chức học tập đảm bảo đủ tiêu chuẩn của hạng chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành quản lý dự án đường bộ theo quy định tại Thông tư này. Sau thời gian quy định tại điểm này, nếu viên chức không đáp ứng tiêu chuẩn theo quy định tại Thông tư này thì người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập xem xét bố trí công việc khác phù hợp hoặc giải quyết chế độ chính sách theo quy định.

2. Các chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành quản lý dự án đường bộ quy định tại Thông tư này được áp dụng Bảng lương chuyên môn, nghiệp vụ đối với cán bộ, viên chức trong các đơn vị sự nghiệp của Nhà nước (Bảng 3) ban hành kèm theo Nghị định số 204/2004/NĐ-CP ngày 14 tháng 12 năm 2004 của Chính phủ về chế độ tiền lương đối với cán bộ, công chức, viên chức và lực lượng vũ trang, như sau:

a) Chức danh nghề nghiệp Quản lý dự án đường bộ hạng I được áp dụng hệ số lương của viên chức loại A3, nhóm 1 (A3.1) từ hệ số lương 6,20 đến hệ số lương 8,00;

b) Chức danh nghề nghiệp Quản lý dự án đường bộ hạng II được áp dụng hệ số lương của viên chức loại A2, nhóm 1 (A2.1) từ hệ số lương 4,40 đến hệ số lương 6,78;

c) Chức danh nghề nghiệp Quản lý dự án đường bộ hạng III được áp dụng hệ số lương của viên chức loại A1 từ hệ số lương 2,34 đến hệ số lương 4,98;

d) Chức danh nghề nghiệp Quản lý dự án đường bộ hạng IV được áp dụng hệ số lương của viên chức loại A0 từ hệ số lương 2,10 đến hệ số lương 4,89.

3. Việc chuyển xếp lương đối với viên chức chuyên ngành quản lý dự án đường bộ đang xếp lương ở các ngạch công chức, viên chức hiện giữ sang chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành quản lý dự án đường bộ quy định tại Thông tư này được thực hiện theo hướng dẫn tại khoản 2 Mục II Thông tư số 02/2007/TT-BNV ngày 25 tháng 5 năm 2007 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ hướng dẫn xếp lương khi nâng ngạch, chuyển ngạch, chuyển loại công chức, viên chức, cụ thể như sau:

a) Xếp lương chức danh nghề nghiệp Quản lý dự án đường bộ hạng I, mã số V.12.23.01 đối với viên chức hiện đang xếp lương loại A3, nhóm 1 (A3.1);

b) Xếp lương chức danh nghề nghiệp Quản lý dự án đường bộ hạng II, mã số V.12.23.02 đối với viên chức hiện đang xếp lương loại A2, nhóm 1 (A2.1);

c) Xếp lương chức danh nghề nghiệp Quản lý dự án đường bộ hạng III, mã số V.12.23.03 đối với viên chức hiện đang xếp lương loại A1;

d) Xếp lương chức danh nghề nghiệp Quản lý dự án đường bộ hạng IV, mã số V.12.23.04 đối với viên chức hiện đang xếp lương loại A0.

Chương IV
ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 10. Hiệu lực thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 3 năm 2023.

2. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật dẫn chiếu tại Thông tư này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế thì thực hiện theo quy định tại văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế đó.

Điều 11. Tổ chức thực hiện

Chánh Văn phòng Bộ, Chánh Thanh tra Bộ, các Vụ trưởng, Cục trưởng Cục Đường bộ Việt Nam, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị và tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Thông tư này./.

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG

Lê Đình Thọ